

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2018/KDTM-PT

Ngày: 19/4/2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Ân

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thu Chinh

Bà Biện Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 3/2018/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2621/2017/KDTM-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1002/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam).

Địa chỉ: Số 121 đường V, Phường V1, quận V2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Kinh D (Theo giấy ủy quyền ngày 06/4/2018) (Có mặt).

Địa chỉ: 25 đường P, phường P1, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T.

Địa chỉ: 2/6 đường H, Phường H1, quận H2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Võ Phước H (Theo giấy ủy quyền ngày 15 tháng 12 năm 2017) (Có mặt).

Địa chỉ: 232/7B đường X, Phường X1, quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, trình bày của đương sự tại cấp phúc thẩm, nội dung vụ án như sau:

Trong khoảng thời gian từ 09/09/2013 đến ngày 14/02/2014 Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty PD) có ký các Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T (sau đây gọi tắt là Công ty VT) với nội dung: Công ty PD cung cấp các loại hàng hóa theo danh sách cụ thể được đính kèm theo từng hợp đồng cho Công ty VT cụ thể như sau:

1. Hợp đồng số 13-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 09/09/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 6.273.885 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 04/11/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-35.

2. Hợp đồng số 16-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 26/09/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 60.189.454 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 04/11/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-35

3. Hợp đồng số 17-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 11/10/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 558.569 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 04/11/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-35

4. Hợp đồng số 18-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 14/10/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 15.320.718 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 30/12/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-56

5. Hợp đồng số 19-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 14/10/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 4.926.185 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 30/12/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-56

6. Hợp đồng số 20-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 25/10/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 13.432.464 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 30/12/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-57

7. Hợp đồng số 21-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 08/11/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 6.047.429 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 30/12/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-57

8. Hợp đồng số 22-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 14/11/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 26.008.746 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 30/12/2014. Số Hóa đơn: AA/13P-58

9. Hợp đồng số 23-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 26/11/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 14.908.775 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 29/05/2014. Số Hóa đơn: AA/14P-08

10. Hợp đồng số 25-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 03/12/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 15.872.424 VNĐ; xuất Hóa đơn: 29/05/2014, Số Hóa đơn: AA/14P-08

11. Hợp đồng số 24-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 26/11/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 12.607.298 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 30/12/2013. Số Hóa đơn: AA/13P-58

12. Hợp đồng số 26-13/HĐKT/VT-PMVN ngày 27/12/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 25.105.892 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 29/05/2014, Số Hóa đơn: AA/14P-09

13. Hợp đồng số 01-14/HĐKT/VT-PMVN ngày 11/01/2014; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 2.631.680 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 29/05/2014, Số Hóa đơn: AA/14P-09

14. Hợp đồng số 1402140202/HĐKT/VT-PMVN; ngày 11/02/2013; Chi phí vận chuyển theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng: 6.119.805 VNĐ; Ngày xuất Hóa đơn: 29/05/2014; Số Hóa đơn: AA/14P-10

Tổng chi phí vận chuyển các Hợp đồng mua bán hàng hóa trên: 211.003.326 VNĐ (Hai trăm mười một triệu không trăm lẻ ba nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn – Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T đại diện theo ủy quyền là ông Võ Phước H trình bày:

Ông thừa nhận Công ty VT có ký các Hợp đồng mua bán với Công ty PD như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, đòi với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán thêm các khoản phí phát sinh (phí vận chuyển từ nước ngoài về và thuế hải quan) theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng ông không đồng ý vì Hợp đồng mua bán giữa hai công ty là hợp đồng nội địa, giá cả được quy định tại Điều 1, hàng hóa được giao tại kho của bị đơn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng hai bên đã ký kết nên không có chi phí vận chuyển. Vì vậy bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị tòa bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam).

2. Tuyên xử: Buộc Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam) tổng số tiền 282.108.206 đồng, trong đó tiền gốc 210.003.324 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 72.104.882 đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả trừ các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 282.108.206 đồng x 5% = 14.105.410 đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam) số tiền 5.790.473 đồng theo biên lai thu số AB/2014/0000729 ngày 10/02/2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và án phí.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 15/12/2017 Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết của vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng tuân thủ quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại VT T.T đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy.

Công ty VT thừa nhận có ký 14 Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty PD như trình bày của Công ty PD. Như vậy, việc ký kết hợp đồng giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp quy định của pháp luật.

Tại khoản 3 Điều 4 của 14 hợp đồng mua bán mà hai bên ký kết đều quy định “Chi phí vận chuyển thực tế phát sinh và 10% phí quản lý cho lô hàng này sẽ được bên mua thanh toán ngay khi bên bán xuất hóa đơn yêu cầu thanh toán”. Như vậy, việc Công ty PD yêu cầu Công ty VT trả tiền chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của 14 hợp đồng là có căn cứ. Trong năm 2013, Công ty VT cũng đã thanh toán cho Công ty PD khoản tiền chi phí này.

Việc Công ty VT cho rằng đây là việc Công ty PD yêu cầu thanh toán thêm các khoản phí phát sinh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng bị đơn không đồng ý vì Hợp đồng mua bán giữa hai công ty là hợp đồng nội địa,

giá cả được quy định tại Điều 1, hàng hóa được giao tại kho của bị đơn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng hai bên đã ký kết nên không có chi phí vận chuyển nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, bởi vì: Các khoản phí này đã được quy định trong hợp đồng, không có quy định là phí vận chuyển từ nước ngoài về và thuế hải quan như đại diện bị đơn trình bày. Hàng hóa giao tại kho bị đơn nên hai bên mới quy định bị đơn phải chịu chi phí vận chuyển, trường hợp nhận tại kho nguyên đơn, lúc đó bị đơn mới không phải chịu vì chính bị đơn là người vận chuyển hàng hóa.

Việc tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 282.108.206 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp hiện thực khách quan của vụ án, phù hợp giao kết của hai bên trong hợp đồng và phù hợp quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam).

Buộc Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam) tổng số tiền 282.108.206 đồng, trong đó tiền gốc 210.003.324 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 72.104.882 đồng.

Kể từ khi Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam) có đơn yêu cầu Thi hành án Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T còn phải chịu lãi suất theo lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T phải chịu 14.105.410 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003687 ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Công ty TNHH Thương mại Công nghệ VT T.T còn phải nộp tiếp 14.105.410 đồng (Mười bốn triệu một trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười đồng);

Công ty TNHH MTV PD (Việt Nam) không phải chịu án phí được nhận lại 5.790.473 đồng (Năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AB/2014/0000729 ngày 10/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Ân